

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/DS-ST

Ngày: 19-4-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc;
2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 363/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-DS ngày 12/3/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 15 Trương Văn Hải, phường T, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Quốc P, sinh năm 1978 và bà Võ Thị H, sinh năm 1982; thường trú: Số 25/5, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1977; thường trú: Số 27/5 khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ trình bày:

Ông Đoàn Văn Đ có cho vợ chồng ông Lê Quốc P và bà Võ Thị H vay tiền hai lần tổng cộng 2.250.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ông Đ cho ông P, bà H vay số tiền 1.000.000.000 đồng, hai bên có lập Giấy vay tiền kèm giấy nhận tiền vay ngày 30/10/2016. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay 02 năm (tính từ ngày 30/10/2016 đến ngày 30/9/2018) nhưng nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi 01 tháng thì thời hạn vay trên hết giá trị thực hiện và bên vay phải thanh toán ngay toàn bộ tiền gốc cho bên cho vay. Quá trình vay tiền, phía ông P, bà H đã trả tiền lãi được từ 30/11/2016 đến 30/01/2018 là 14 tháng x 20.000.000đồng/tháng = 280.000.000 đồng; từ tháng 02/2018 thì ngưng trả lãi cho đến nay và chưa trả được khoản nợ gốc nào.

- Lần 2: Ông Đ cho ông P, bà H vay số tiền 1.250.000.000 đồng, theo Giấy vay tiền kèm giấy nhận tiền vay ngày 30/01/2018. Lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là 02 năm (tính từ ngày 30/01/2018 đến ngày 30/12/2020) nhưng nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi 1 tháng thì thời hạn vay trên hết giá trị thực hiện và bên vay phải thanh toán ngay toàn bộ tiền gốc cho bên cho vay. Quá trình vay tiền, phía ông P, bà H không thanh toán tiền lãi và chưa trả nợ gốc cho ông Đ.

Khi cho vay tiền, vợ chồng ông P, bà H không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho ông Đ. Mặc dù khoản tiền vay lần hai chưa đến hạn nhưng do ông P, bà H vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên thời hạn đó không còn giá trị theo thỏa thuận trong giấy vay tiền các bên đã ký kết.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu ông Lê Quốc P và bà Võ Thị H thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 2.250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính 09 tháng x 2%/tháng x 2.250.000.000 đồng = 405.000.000 đồng.

Theo đơn ngày 03/4/2019 nguyên đơn xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn gồm: Yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc 2.250.000.000 đồng và tiền lãi như sau:

- Đối với khoản tiền vay 1.000.000.000 đồng do các bên xác lập vào ngày 30/10/2016 nên yêu cầu bị đơn trả lãi gồm: Tiền lãi trong hạn từ ngày 30/02/2018 đến ngày 30/9/2018 là 07 tháng, với mức 1,125%/tháng; lãi suất quá hạn từ ngày 01/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/4/2019 là 05 tháng 17 ngày, với mức lãi suất 0,75%/tháng.

- Đối với khoản tiền vay 1.250.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 30/01/2018; yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 30/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/4/2019 là 13 tháng 19 ngày, với mức lãi suất 1,67%/tháng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 02 giấy vay tiền kèm giấy nhận tiền vay ngày 30/10/2016 và ngày 30/01/2018.

Bị đơn: Đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Lời khai của người làm chứng bà Võ Thị T:

Bà T là chị ruột của bị đơn chị Võ Thị H. Nhà bà T và nhà vợ chồng bà H gần nhau. Thường ngày bà T đi làm nên không rõ việc làm ăn và vay tiền của vợ chồng bà H như thế nào. Cho đến khi vợ chồng chị H bỏ nhà đi từ tháng 8/2018 thì bà T mới biết vợ chồng bà H, ông P đã vay tiền của ông Đoàn Văn Đ, còn việc vay vào thời gian nào, số tiền bao nhiêu, mục đích vay làm gì và việc vay tiền có cầm cố nhà đất hay không bà T không rõ. Hiện tại căn nhà của vợ chồng bà H đang khóa cửa không ai quản lý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người làm chứng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả các đương sự và người làm chứng là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và người làm chứng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 02/4/2019 và ngày 19/4/2019 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự và người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn xác định đã cho vợ chồng ông Lê Quốc P và bà Võ Thị H vay tiền hai lần, tổng cộng 2.250.000.000đ (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng); chứng minh qua 02 Giấy vay tiền (kièm giấy biên nhận tiền vay) lập ngày 30/10/2016 và ngày 30/01/2018 có chữ ký của vợ chồng ông Lê Quốc P, bà Võ Thị H. Nội dung giấy vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, không thế chấp tài sản, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày ký giấy vay tiền, quá 01 tháng bên vay không trả lãi thì thời hạn vay hết giá trị, các giao dịch khác không liên quan đến khoản vay này, bên vay đã nhận đủ số tiền vay. Quá trình vay tiền vợ chồng bị đơn mới thanh toán được 14 tháng tiền lãi cho khoản vay ngày 30/10/2016, chưa trả tiền nợ gốc. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp lời khai và chứng cứ liên quan, xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình. Nguyên đơn từ chối trưng cầu giám định chữ ký của vợ chồng bị đơn trong 02 Giấy vay tiền (kièm giấy biên nhận tiền vay) lập ngày 30/10/2016 và ngày 30/01/2018, vì cho rằng nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đã đầy đủ trên cơ sở cung cấp các chứng cứ và lời khai của người làm chứng bà Võ Thị T (chị gái của bà Võ Thị H). Như vậy căn cứ vào biên nhận mượn tiền lập ngày 30/10/2016 và ngày 30/01/2018 giữa nguyên đơn và vợ

chồng bị đơn có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và nợ gốc khi đến hạn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc 2.250.000.000đ (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu thanh toán lãi đối với khoản tiền vay 1.000.000.000 đồng vào ngày 30/10/2016, thấy rằng: Giao dịch này các bên xác lập tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. *Khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”*. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu lãi suất 20%/năm (tương đương 1,166%/tháng); ngày 03/4/2019 ông Đ nộp đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện về lãi suất gồm: Tiền lãi trong hạn từ ngày 30/02/2018 đến ngày 30/9/2018 là 07 tháng, với mức 1,125%/tháng; lãi suất quá hạn từ ngày 01/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/4/2019 là 05 tháng 17 ngày, với mức lãi suất 0,75%/tháng. Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận. Như vậy buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi 120.500.000đ (một trăm hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng), gồm: Tiền lãi trong hạn (từ ngày 30/02/2018 đến ngày 30/9/2018) là 07 tháng, với mức 1,125%/tháng (tương đương 13,5%/năm); cụ thể: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 07 \text{ tháng} = 78.750.000 \text{ đồng}$ (bảy mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); lãi suất quá hạn (từ ngày 01/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/4/2019) là 05 tháng 17 ngày, với mức lãi suất theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất cơ bản là 9%/năm (tương đương 0,75%/tháng), cụ thể: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 5 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 41.750.000 \text{ đồng}$ (bốn mươi một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

[2.3] Về yêu cầu thanh toán lãi đối với số tiền vay 1.250.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 30/01/2018 thấy rằng: *Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “...trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, ...”*. Việc hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng (tương đương 24%/năm) trong giấy vay tiền là vượt quá mức lãi suất quy định. Quá trình tố tụng nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 30/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/4/2019 là 13 tháng 19 ngày, với mức lãi suất 1,67%/tháng (tương đương 20%/năm). Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái với quy định pháp luật nên Tòa án ghi nhận. Như vậy buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi của 13 tháng 19 ngày $\times 1,67\%/\text{tháng} \times 1.250.000.000 \text{ đồng} = 284.595.833 \text{ đồng}$.

[2.4] Nguyên đơn thừa nhận số tiền vay 1.000.000.000 đồng, bị đơn đã thanh toán tiền lãi từ 30/11/2016 đến 30/02/2018 là 14 tháng, số tiền 280.000.000 đồng, theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận là 2%/tháng (tương đương 24%/năm), vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định tại thời điểm này

là 13,5%/năm. Tuy nhiên, các đương sự không có tranh chấp khoản tiền lãi chênh lệch mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn nên Tòa án không xem xét.

[2.5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc: 2.250.000.000 đồng; tiền lãi 405.095.833 đồng và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D.

[2.6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 305, 471, 474, 476, Điều 478 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ.

Buộc ông Lê Quốc P và bà Võ Thị H phải thanh toán cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 2.655.095.833 đồng (hai tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng), bao gồm: Tiền nợ gốc 2.250.000.000 đồng, tiền lãi 405.095.833 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Quốc P và bà Võ Thị H phải chịu 85.101.917 đồng (tám mươi lăm triệu một trăm lẻ một nghìn chín trăm mười bảy đồng).

Ông Đoàn Văn Đ không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Đoàn Văn Đ 42.550.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0020446 ngày 29/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D;
- Đường sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngà